

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH THANH HÓA
Bản án số: 45/HNGĐ- ST
Ngày: 05/7/2022
V/v: Ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: bà Trịnh Thị Khanh; Bà Nguyễn Thị tiếp

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Minh Chử - Thư ký Tòa án nhân dân huyện

C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Bà Bùi Thị Bích -Kiểm sát viên

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/TLST - HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022, ngày 16/6/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị S- Sinh năm 1975

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa

Bị đơn: anh Nguyễn Văn Th – Sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện C, Thanh Hóa. Vắng mặt tại phiên tòa (Đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn; bản tự khai nguyên đơn và tại phiên tòa chị Hà Thị S trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Th được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương vào năm 1995, trên cơ sở tự nguyện, nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Đến năm 2002, xã C có chủ trương làm đăng ký kết hôn cho những người chưa có đăng ký, chị có được ra nhà văn hóa thôn N, xã C để kê khai làm đăng ký kết hôn, do thời gian cũng đã lâu nên chị cũng không nhớ là đã làm đăng ký kết hôn được hay chưa. Đến cuối năm 2002, do vợ chồng cưới nhau đã nhiều năm mà chưa có con, cuộc sống vợ chồng nhiều áp lực nên chị đã xin phép gia đình anh Th về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh Nguyễn Văn Th.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung

Về tài sản, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Nguyễn Văn Th : Sau khi thụ lý vụ án,Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho anh Thịnh, nhưng anh Th vắng mặt không có lý do, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Do đó, Tòa án phải tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 30/3/2022, anh Nguyễn Văn Đ(anh trai anh Nguyễn Văn Th) trình bày: Anh Nguyễn Văn Th kết hôn với chị Hà Thị S năm 1995, vợ chồng không có con chung, đến năm 2002, không hiểu vì lý do gì mà chị S lại về nhà bố mẹ đẻ ở. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhưng chị S không chịu về chung sống với anh Th. Hiện tại, anh Th vẫn chưa lấy vợ và đang ở chung nhà với vợ chồng anh. Gia đình anh cũng đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra giao nhận chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập. Anh đã điện thoại thông báo cho anh Th biết nhưng anh Th trả lời là không về được, anh chỉ biết anh Th làm ở Hà Nội còn địa chỉ cụ thể không biết vì anh Th làm nghề tự do, anh em chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại, thỉnh thoảng anh Th cũng về mấy ngày rồi lại đi làm. Dịp tết nguyên đán năm 2022, anh Th cũng về quê và có biết chị S làm đơn ly hôn, nhưng gia đình anh và anh Th có nguyện vọng muốn chị S quay về đoàn tụ, nên anh Th không đến Tòa án làm việc.

Ủy ban nhân dân xã C xác nhận: Anh Nguyễn Văn Th có hộ khẩu thường trú tại xã C, huyện C, chị Hà Thị S hiện đã chuyển khẩu đi nơi khác. Do vụ hỏa hoạn xảy ra năm 2021, tại Ủy ban nhân dân xã C đã cháy hết toàn bộ sổ lưu đăng ký kết hôn của công dân nên không kiểm tra được là chị Hà Thị S và anh Nguyễn Văn Th có đăng ký kết hôn hay không

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 – Luật Hôn nhân gia đình 2014; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227-BLTTDS. Điểm a, khoản 1 Điều 24– Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị xử : Không công nhận chị Hà Thị S và anh Nguyễn Văn Th là vợ chồng; về con chung: Không có; về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị S phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Hà Thị S làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn Th, trú tại thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C được quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Anh Nguyễn Văn Th hiện không có mặt tại địa phương, không đến Tòa án làm việc. Kết quả xác minh tại gia đình anh Nguyễn Văn Th và xác minh với Công an xã C, huyện C thì anh Nguyễn Văn Th hiện đang có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã C, huyện C. Căn cứ vào khoản 3 điều 40; điểm b khoản 2 điều 277 của BLDS năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 - Nghị quyết 04/2017/NQQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì địa chỉ cuối cùng của bị đơn theo hộ khẩu thường trú là thôn N, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Anh Nguyễn Văn Th đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Các thủ tục tố tụng đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại khoản 5 điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227- Bộ luật TTDS. Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử vắng mặt anh Thịnh. Bị đơn không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về yêu cầu của nguyên đơn: Chị Hà Thị S và anh Nguyễn Văn Th chung sống với nhau từ năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Chị S trình bày là năm 2002, chỉ có ra nhà văn hóa thôn N để làm thủ tục đăng ký kết hôn, nhưng chị cũng không xuất trình được Giấy chứng nhận kết hôn. Ủy ban nhân dân xã không còn lưu giữ được sổ đăng ký kết hôn nên không có cơ sở vững chắc để xác định chị Hà Thị S và anh Nguyễn Văn Th có đăng ký kết hôn. Căn cứ điểm b, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì hôn nhân của giữa chị Hà Thị S và anh Nguyễn Văn Th là vi phạm luật hôn nhân gia đình về thủ tục đăng ký kết hôn.

Do vậy, căn cứ theo khoản 1 điều 9, khoản 2 điều 53 – Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Xử không công nhận chị Hà Thị S và anh Nguyễn Văn Th là vợ chồng.

Về con chung: Chị S và anh Th không có con chung

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5] Về án phí: Chị Hà Thị S phải chịu 300.000đ án phí DSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 – Luật Hôn nhân gia đình 2014. Khoản 4 điều 147; khoản 5 Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 273 - Bộ luật TTDS. Điểm a, khoản 1 Điều 24; khoản 5 Điều 27– Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hà Thị S và anh Nguyễn Văn Th là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có con chung

3. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: chị Hà Thị S phải chịu 300.000đ án phí DSST được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0010298, ngày 18/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, chị S đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện C.
- TAND tỉnh Thanh hoá.
- Chi cục THADS huyện C.
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Lê Thị Thanh